



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam

Vietnam Pepper Association

135A Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP HCM

Tel: (84-28) 3823.7288 - 3822.3901. Fax: (84-28) 3822.3901

Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

BẢN TIN TUẦN IPC

Số 25/22, 20-24/06/2022

THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng trái chiều, chỉ có giá tiêu Việt Nam giao dịch trên thị trường quốc tế ghi nhận sự gia tăng.
02. Ấn Độ - Giá tiêu đen Ấn Độ tiếp tục giảm trong tuần này.
03. Indonesia - Giá tiêu Indonesia tiếp tục giảm trong tuần này do đồng Rupial Indonesia giảm 1% so với USD (14.836 IDR/USD) và các nhà xuất khẩu cũng như thương lái khó tiếp cận nguồn hàng từ nông dân.
04. Malaysia - Giá tiêu Malaysia giao dịch nội địa và quốc tế ổn định và không đổi trong tuần này.
05. Sri Lanka - Giá tiêu nội địa Sri Lanka ổn định trong tuần này.
06. Việt Nam - Chỉ có giá tiêu Việt Nam giao dịch trên thị trường quốc tế ghi nhận sự gia tăng. Trong khi đó, giá tiêu nội địa Việt Nam cho thấy chiều hướng giảm.
07. Xuất khẩu Hồ tiêu của Úc (2020-2022).

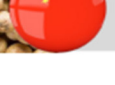
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (20-24/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	6.224 6.210 6.211 6.232 -	6,219 - 6,257	-1% ↓
 Ex-Lampung	3.067 3.073 3.062 3.067 3.065	3,067 - 3,086	-1% ↓
 Ex-Kuching	4.109 4.111 4.108 4.106 4.107	4,108 - 4,101	0% ↔
 Ex- HCM	3.097 3.097 3.097 3.097 3.097	3,097 - 3,178	-3% ↓
 Sri Lanka	4.783 4.770 4.781 4.781 4.789	4,781 - 4,785	0% ↔

Sources:

- India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service
- Malaysia : Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka : Department of Export Agriculture
- Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (20-24/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang	5.359 5.370 5.350 5.359 5.355	5,359 – 5,460	-2% ↓
 Ex-Kuching	5.873 5.876 5.872 5.868 5.871	5,872 – 5,861	0% ↔
 Ex-HCM	4.624 4.624 4.624 4.624 4.624	4,624 – 4,839	-4% ↓
 Ex-Hainan	6.185 6.185 6.185 6.185 6.185	6,185 – 6,185	0% ↔

Sources:
 • India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (20-24/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA	6.481 6.466 6.467 6.488 -	6,475 – 6,513	-1% ↓
 Lampung ** ASTA	3.660 3.668 3.654 3.660 3.657	3,660 – 3,683	-1% ↓
 Kuching ASTA	5.900 5.900 5.900 5.900 5.900	5,900 – 5,900	0% ↔
 Ho Chi Minh 500g/l	3.700 3.750 3.750 3.750 3.750	3,740 – 3,700	1% ↑
 Ho Chi Minh 550g/l	3.950 4.000 4.000 4.000 4.000	3,990 – 3,950	1% ↑

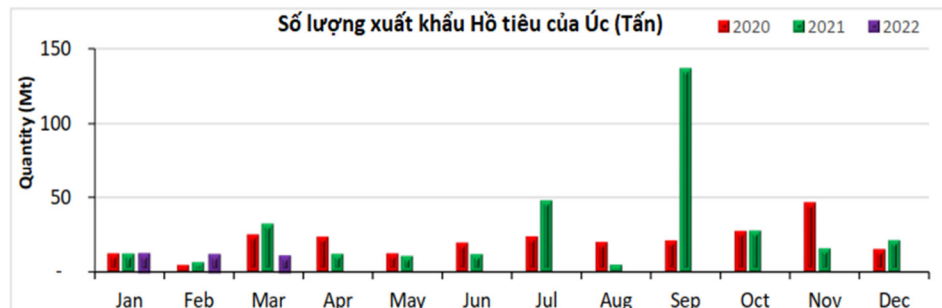
Sources:
 • India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (20-24/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ	6.197 6.211 6.187 6.198 6.193	6,197 – 6,312	-2% ↓
 Kuching ASTA	7.600 7.600 7.600 7.600 7.600	7,600 – 7,600	0% ↔
 Ho Chi Minh FAQ	5.750 5.800 5.800 5.800 5.800	5,790 – 5,750	1% ↑
 Haikou FAQ	6.385 6.385 6.385 6.385 6.385	6,385 – 6,385	0% ↔

Sources:
 • India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

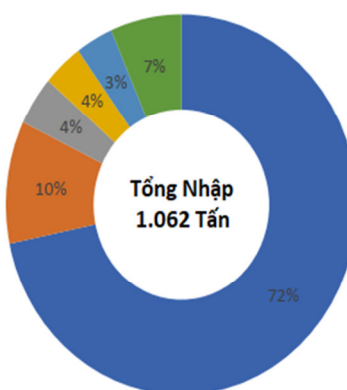
XUẤT KHẨU HỒ TIÊU CỦA ÚC



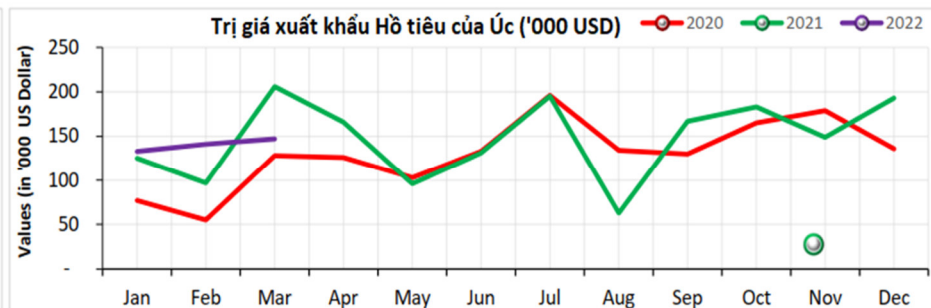
5 quốc gia cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Úc
3 tháng đầu năm 2022



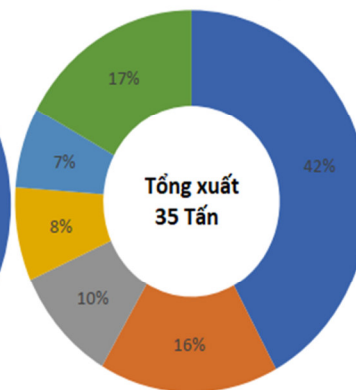
- 1 Việt Nam : 762 Tấn
- 2 Ấn Độ : 110 Tấn
- 3 Thái Lan : 44 Tấn
- 4 Nam Phi : 39 Tấn
- 5 Trung Quốc : 37 Tấn
- 6 Khác : 70 Tấn



Tỷ lệ Nhập : Xuất = 30 : 1



5 thị trường tiêu thụ Hồ tiêu lớn nhất của Úc
3 tháng đầu năm 2022



- 1 New Zealand : 15 Tấn
- 2 Singapore : 6 Tấn
- 3 Malaysia : 3 Tấn
- 4 Nhật Bản : 3 Tấn
- 5 Indonesia : 2 Tấn
- 6 Khác : 6 Tấn





Xuất khẩu Hồ tiêu của Úc (2020-2022)

2020

2021

2022*

Tổng lượng xuất (tấn)

252

342

35

Tổng trị giá xuất ('000 USD)

\$1,562

\$1,771

\$421

Tiêu hạt

17%

58%

44%

Thị phần (%)

Tiêu xay

83%

42%

56%

Chênh lệch (%)

n.a

36%

-32%

Tiêu hạt

\$ 7,308

\$ 2,566

\$ 9,555

Giá xuất khẩu (USD/tấn)

Tiêu xay

\$ 5,978

\$ 8,830

\$ 13,821

* Tính đến tháng 3/2022

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)



GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	7,000 CF Jun/Jul
Lampung black (ASTA)	n.a	4,200 CF Jun/Jul/Aug
Sri Lanka black	n.a	5,775 CF Jun/Ju
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	4,900 / Mt FOB Prompt
Viet Nam black (ASTA)	n.a	4,625 CF Jun/Jul
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	6,800 CF Jun/Jul
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	7,200 / Mt FOB Prompt
Viet Nam white (DW)	n.a	6,325 CF Jun/Jul

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.70	78.10	14,836	4.40	23,250	360.92
Tuần trước	6.72	78.08	14,743	4.41	23,250	359.82
Thay đổi	Không đổi	Không đổi	Giảm	Không đổi	Không đổi	Không đổi

Nguồn:

- India: x-rates.com, Financial Benchmark India Private Ltd (FBIL)
- Indonesia: Ngân hàng Trung ương Indonesia
- Malaysia: Ngân hàng Trung ương Malaysia
- Sri Lanka: Ngân hàng Trung ương Sri Lanka
- Việt Nam : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Trung Quốc: Hệ thống thương mại ngoại hối Trung Quốc (CFETS)